

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Xu hướng giằng co tiếp diễn trong ngày hôm nay. VN-Index kết phiên tại mốc 1,655.99 điểm, tăng nhẹ gần 7 điểm so với hôm qua. Số mã giảm nhiều hơn số mã tăng, 11/18 ngành giảm điểm cho thấy dòng tiền có xu hướng tập trung vào một số mã nhất định. Ngành Bán lẻ dẫn đầu đà giảm, trong khi ngành Du lịch & giải trí tăng hơn 2%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn còn lại. VN-Index vẫn có khả năng trở về 1,680 – 1,700 trong ngắn hạn, đi cùng diễn biến rung lắc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 20/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+6.99** điểm, đóng cửa tại **1655.99** điểm. HNX-Index **-0.80** điểm, đóng cửa tại **264.23** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+6.73)**, **VJC (+1.76)**, **VHM (+0.84)**, **VPB (+0.81)**, **HDB (+0.44)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.59)**, **MWG (-0.46)**, **TCB (-0.31)**, **CTG (-0.30)**, **MBB (-0.27)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,786** tỷ đồng, giảm **-18.72%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,686 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.76 điểm. Thị trường có **120** mã tăng, 68 mã tham chiếu, **179** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **293.94** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (181.11 tỷ)**, **SSI (134.86 tỷ)**, **VIC (123.34 tỷ)**, **VIX (81.63 tỷ)**, **FPT (77.67 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.82** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.15%**. Các mã diễn biến tích cực:
KBC (+2.32%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDB (+1.60%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+1.60%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.23%**. Các mã diễn biến tích cực:
VJC (+6.97%)
VIC (+3.40%)
DGW (+2.07%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.15%	-0.23%	0.42%	0.60%
1 tuần	0.54%	0.82%	1.50%	1.78%
1 tháng	3.46%	1.59%	-0.45%	-0.96%
3 tháng	-0.87%	-2.72%	0.64%	4.60%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,655.99	264.23	119.51
% 1D	0.42%	-0.30%	-0.11%
GTKL (tỷ VND)	16,786	1,007	409
%1D	-18.72%	-36.65%	-50.98%
GDNN (tỷ VND)	293.94	-3.82	-45.83

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	181.11	VCI	-172.49
SSI	134.86	MWG	-92.05
VIC	123.34	MBB	-90.18
VIX	81.63	PNJ	-68.24
FPT	77.67	FRT	-45.10

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

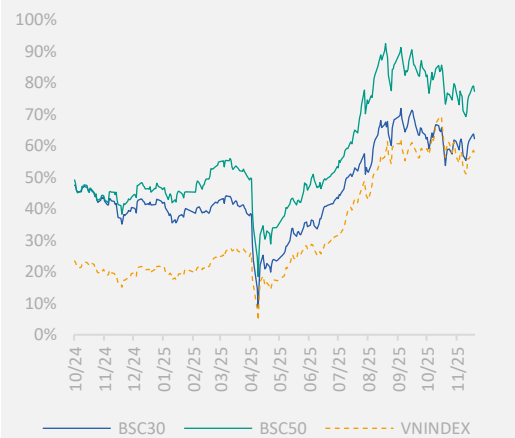
		%D	%W
SPX	6,642	0.37%	-3.05%
FTSE100	9,566	0.62%	-2.46%
Eurostoxx	5,600	0.32%	-2.95%
Shanghai	3,931	-0.40%	-2.44%
Nikkei	49,824	2.65%	-2.82%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.94	0.44%
Giá vàng	4,056	-0.78%
Tỷ giá		
USD/VND	26,386	-0.01%
EUR/VND	31,199	-0.32%
JPY/VND	172	-0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	-0.01%
LS LNH 1M	5.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

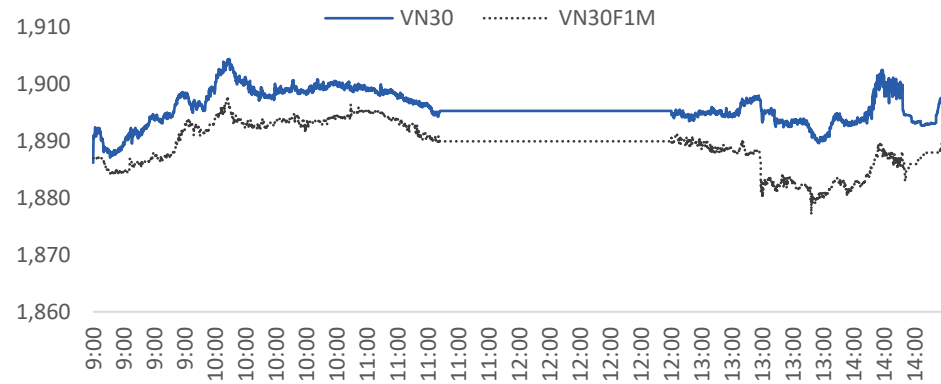
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1898.10	0.65%	200,571	4.5%	20/11/2025	0
41I1G6000	1880.30	0.35%	35	34.6%	18/06/2026	210
VN30F2512	1889.50	0.40%	26,441	155.0%	18/12/2025	28
41I1G3000	1883.90	0.53%	60	-58.62%	19/03/2026	119

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +11.26 điểm, đóng cửa tại 1897.46 điểm. Biên độ dao động 17.32 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VJC, FPT, VPB, HDB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa trong phiên đáo hạn phái sinh. Khối lượng hợp đồng mở ở mức thấp thấp. Thanh khoản thị trường duy trì ở mức thấp. Chiến lược là long/short linh hoạt.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVJC2506	25/06/2026	217	301,900	15.86%	167.80	5,280	30.7%	3.18	220.60	190.40	190.40
CSTB2522	3/12/2025	13	86,800	11.35%	54.57	110	22.2%	0.03	55.12	49.50	49.50
CSTB2534	9/02/2026	81	40,000	46.42%	71.70	390	18.2%	0.05	72.48	49.50	49.50
CVHM2517	3/12/2025	13	23,600	0.19%	88.89	1,820	17.4%	1.84	97.99	97.80	97.80
CVJC2505	3/03/2026	103	29,100	0.67%	106.87	4,240	17.1%	4.25	191.67	190.40	190.40
CVJC2504	3/12/2025	13	6,200	-0.64%	97.98	4,560	15.7%	4.63	189.18	190.40	190.40
CFPT2522	25/12/2025	35	300	21.76%	116.79	150	15.4%	0.00	120.54	99.00	99.00
CVRE2513	15/12/2025	25	428,100	2.88%	30.00	1,460	12.3%	1.26	32.92	32.00	32.00
CSSB2506	3/02/2026	75	3,400	26.68%	20.56	490	11.4%	0.04	21.54	17.00	17.00
CMWG2521	25/03/2026	125	188,100	20.43%	91.00	1,310	11.0%	0.69	97.55	81.00	81.00
CVRE2512	20/05/2026	181	7,200	4.31%	23.50	4,940	10.3%	4.69	33.38	32.00	32.00
CVIC2511	4/05/2026	165	7,700	1.39%	113.98	14,650	9.3%	14.56	231.18	228.00	228.00
CVIC2515	16/10/2026	330	2,200	33.04%	245.00	7,290	7.8%	3.30	303.32	228.00	228.00
CLPB2501	15/12/2025	25	90,100	0.99%	36.33	2,890	7.8%	2.81	49.79	49.30	49.30
CVIC2516	18/01/2027	424	151,900	38.70%	250.00	8,280	7.3%	3.70	316.24	228.00	228.00
CLPB2509	25/06/2026	217	22,300	33.58%	56.33	1,190	7.2%	0.48	65.85	49.30	49.30
CSTB2529	25/03/2026	125	189,600	34.75%	65.50	600	7.1%	0.38	66.70	49.50	49.50
CSHB2511	24/02/2026	96	3,700	17.36%	18.00	1,540	6.9%	0.89	19.54	16.65	16.65
CVIC2513	25/05/2026	186	5,600	7.10%	147.00	9,720	6.8%	8.50	244.20	228.00	228.00
CVPB2523	24/02/2026	96	126,700	11.52%	28.00	1,920	6.7%	1.21	31.84	28.55	28.55

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phí rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 20/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVJC2506 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 30.69%. CSTB2528 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.97%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CVRE2525, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	228.00	3.40%	7.03
VJC	190.40	6.97%	5.28
FPT	99.00	1.02%	2.17
VPB	28.55	1.60%	1.43
HDB	31.80	1.60%	0.88

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	81.00	-1.70%	-2.28
HPG	27.25	-1.27%	-2.18
TCB	34.60	-0.57%	-0.50
MBB	23.35	-0.64%	-0.40
MSN	78.50	-0.38%	-0.39

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	228.00	3.40%	6.73	3.88
VJC	190.40	6.97%	1.76	0.59
VHM	97.80	0.93%	0.84	4.11
VPB	28.55	1.60%	0.81	7.93
HDB	31.80	1.60%	0.44	3.86

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	48.20	9.55%	0.14	0.05
PVI	89.90	1.01%	0.13	0.23
NTP	65.00	1.56%	0.10	0.17
DHT	73.60	0.82%	0.03	0.09
HTC	29.80	9.96%	0.03	0.02

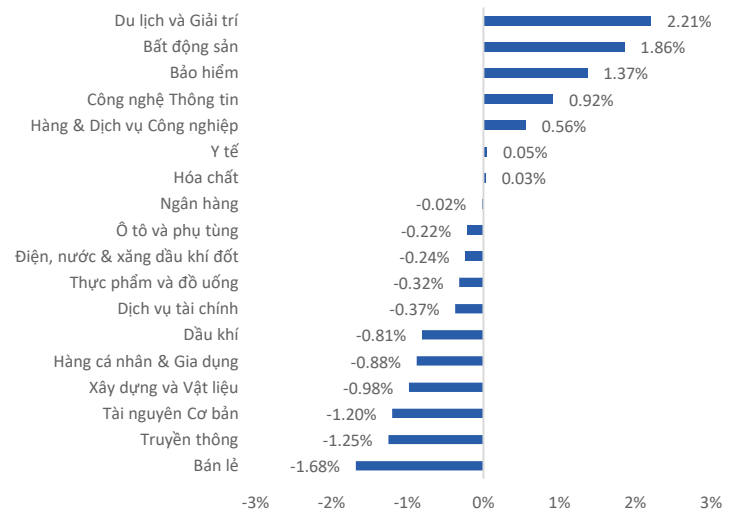
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	6.29	6.97%	0.01	0.40
VJC	190.40	6.97%	1.76	3.92
HII	6.79	6.93%	0.01	1.65
VMD	17.95	6.85%	0.00	0.04
VTB	17.30	6.79%	0.00	0.09

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	29.80	9.96%	0.18	0.00
HLC	16.70	9.87%	0.15	0.15
CTT	21.60	9.64%	0.03	0.00
PGS	48.20	9.55%	0.82	0.00
SDU	17.30	9.49%	0.12	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	27.25	-1.27%	-0.59	7.68
MWG	81.00	-1.70%	-0.46	1.48
TCB	34.60	-0.57%	-0.31	7.09
CTG	49.10	-0.51%	-0.30	5.37
MBB	23.35	-0.64%	-0.27	8.05

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	78.50	-0.51%	-0.21	0.90
VIF	14.90	-6.29%	-0.19	0.35
HUT	17.50	-1.69%	-0.19	1.07
SHS	22.00	-0.90%	-0.11	0.90
CEO	25.00	-1.19%	-0.10	0.57

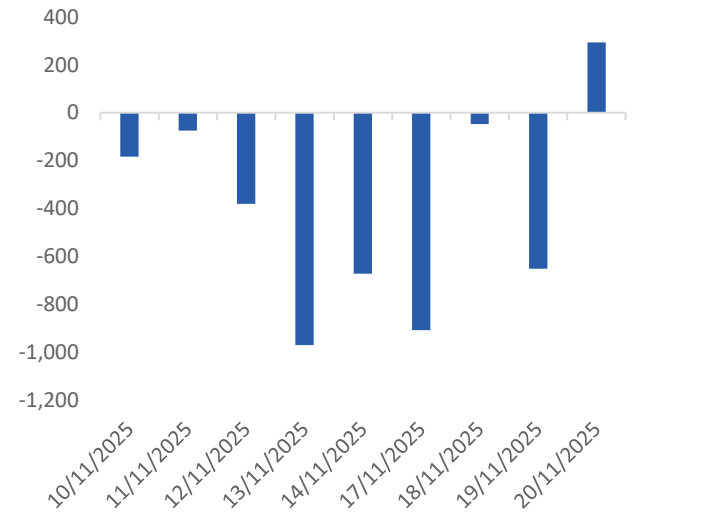
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNC	22.95	-6.71%	0.00	0.00
COM	29.10	-6.13%	-0.01	0.00
PIT	6.11	-6.00%	0.00	0.00
DTA	4.42	-5.96%	0.00	0.00
PMG	7.12	-5.57%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC6	26.50	-9.86%	-0.10	0.00
TKU	13.10	-9.03%	-0.20	0.00
PEN	8.10	-8.99%	-0.01	0.00
SSM	5.10	-8.93%	-0.01	0.00
CMC	8.20	-8.89%	-0.01	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	81.0	-1.7%	1.3	121,825	423.4	3,955	20.8	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	35.3	2.3%	1.2	32,443	126.2	1,872	18.4	46,000	10.3%	Link
KDH	Bất động sản	34.7	0.1%	1.4	38,829	129.3	857	40.4	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	22.8	0.0%	1.6	22,340	163.8	211	108.1	28,200	8.9%	Link
VHM	Bất động sản	97.8	0.9%	1.0	398,008	498.4	6,133	15.8	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	99.0	1.0%	0.6	166,944	532.0	5,280	18.6	118,700	38.4%	Link
BSR	Dầu khí	16.1	-0.9%	0.0	81,118	34.5	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	34.4	-0.6%	1.6	16,538	88.3	3,040	11.4	42,800	12.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.7	0.0%	1.4	24,461	114.7	1,413	16.0		34.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.8	0.4%	1.3	71,930	758.0	1,882	18.4		32.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.1	-2.1%	1.3	25,869	585.9	1,589	22.5		17.5%	
DCM	Hóa chất	34.8	-1.6%	1.3	18,714	61.7	3,578	9.9	47,300	4.1%	Link
DGC	Hóa chất	97.2	0.6%	1.4	36,687	239.2	8,296	11.6	109,300	11.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	-0.4%	0.9	127,903	153.1	3,385	7.4	28,400	29.3%	Link
BID	Ngân hàng	38.0	-0.4%	1.0	267,514	55.9	3,781	10.1	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.1	-0.5%	1.2	265,009	227.5	6,208	8.0	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	31.8	1.6%	1.2	120,800	759.4	3,666	8.5	30,800	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	23.4	-0.6%	1.2	189,292	354.3	3,017	7.8	29,300	20.4%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	0.0%	1.1	37,908	378.7	1,729	7.0	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.5	0.0%	1.0	93,318	469.3	6,519	7.6		15.0%	
TCB	Ngân hàng	34.6	-0.6%	1.0	246,601	350.1	3,112	11.2	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.3	0.6%	1.2	47,575	72.4	2,358	7.3	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	59.4	0.0%	0.9	496,327	162.9	4,202	14.1	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	0.0%	0.9	63,655	146.2	2,225	8.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.6	1.6%	1.1	222,943	558.5	2,603	10.8	35,650	23.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.3	-1.3%	1.2	211,843	644.1	1,876	14.7	33,170	19.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.1	-1.2%	1.3	10,743	35.8	1,178	14.7	19,800	5.0%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.9	-1.1%	1.3	10,468	75.9	4,150	6.6	28,800	2.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.5	-0.4%	1.2	113,938	283.8	2,196	35.9	98,300	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.7	-0.3%	0.7	127,278	180.5	4,160	14.6	64,500	49.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.4	2.07%	1.3	9,621	138.7	2,412	18.0	20.7%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	142.2	-3.27%	0.9	25,034	79.3	3,620	40.6	32.4%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	55.3	2.03%	1.2	40,234	41.4	3,578	15.2	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	21.1	0.00%	1.4	16,805	170.1	514	41.1	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.4	1.57%	1.5	19,410	291.1	401	47.5	20.6%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	27.9	-0.36%	1.4	5,593	39.8	3,057	9.2	3.0%	25.2%	
HDG	Bất động sản	32.4	1.25%	1.6	11,839	79.8	938	34.1	20.9%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	41.2	-0.72%	1.4	15,749	73.9	4,849	8.6	10.8%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	35.4	-2.62%	1.3	17,613	145.9	2,171	16.7	45.7%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	58.0	0.35%	1.1	13,994	11.8	5,474	10.6	3.4%	28.2%	
SZC	Bất động sản	32.5	1.09%	1.1	5,778	26.9	1,763	18.2	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.5	-1.38%	1.4	18,894	87.0	852	25.5	12.6%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	228.0	3.40%	0.9	849,590	1078.7	2,287	96.4	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	32.0	1.27%	1.0	71,805	173.1	2,144	14.7	14.3%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.3	-0.52%	1.3	8,142	7.8	1,833	21.0	38.4%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.4	-0.86%	1.0	44,090	48.5	2,090	16.6	14.9%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.1	0.00%	1.2	14,481	635.4	1,602	16.3	7.2%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.7	-0.74%	1.4	11,746	19.1	1,262	26.9	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.5	-0.67%	1.7	19,563	49.4	1,682	17.7	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.1	-0.16%	1.0	150,085	24.4	5,014	12.4	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.0	0.34%	1.2	34,894	61.8	812	18.3	2.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.5	-0.74%	0.8	36,833	29.8	4,776	14.2	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	190.4	6.97%	0.9	105,307	716.4	2,897	61.5	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.7	1.94%	1.5	39,525	290.3	2,313	18.9	8.0%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.6	-0.95%	1.2	26,954	91.4	3,503	18.0	43.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.0	-0.45%	1.1	11,195	154.9	6,185	10.7	6.9%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.3	-0.27%	1.2	8,623	52.5	2,090	8.8	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	104.8	-2.06%	0.0	13,031	47.8	3,139	34.1	4.9%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.8	-1.68%	1.2	30,465	106.4	6,920	12.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.7	-0.35%	1.0	3,221	28.5	2,535	11.3	48.6%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.9	1.02%	1.4	2,536	24.2	2,875	6.9	17.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.3	-0.82%	1.1	16,624	67.6	1,212	20.2	4.2%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.0	0.00%	1.3	112,000	52.4	1,569	17.8	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.5	-0.22%	1.3	41,911	165.8	1,635	13.8	3.4%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	49.3	-0.40%	0.5	147,870	110.4	3,469	14.3	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	-0.34%	0.0	24,963	20.4	2,337	6.2	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	-0.81%	0.9	32,889	31.2	1,460	8.5	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	-2.33%	1.3	7,698	111.1	571	30.1	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.2	-1.31%	1.4	8,147	68.2	2,829	10.8	4.2%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.0	-0.16%	0.6	9,744	28.4	1,715	18.7	2.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.1	0.11%	0.6	60,280	43.2	3,373	13.9	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.6	-1.20%	1.1	13,086	82.2	6,944	8.4	19.7%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	157.0	-3.74%	0.5	13,352	54.2	14,639	11.1	85.3%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.9	-0.92%	1.3	8,794	44.3	6,560	13.2	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	91.5	-1.08%	1.2	10,581	36.1	5,128	18.0	5.3%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.2	-1.34%	1.4	4,516	21.4	3,037	14.8	5.4%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.2	-0.35%	1.3	7,088	41.8	1,106	12.9	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.2	0.45%	1.1	9,089	26.6	1,377	16.0	12.5%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.1	-1.63%	1.2	15,838	61.9	6,148	4.0	4.8%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.4	-0.98%	1.5	20,557	31.2	3,090	14.8	3.2%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>